TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 4- 2025
V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Khánh Linh
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Nam Bình
2. Bà Trần Thị Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Bá N**, sinh năm 1983;
Nơi cư trú: thôn L, xã V, huyện V1, tỉnh T. (*Có mặt*)

2. Bị đơn: Chị **Phạm Trần Trang N1**, sinh năm 1991;
Nơi ĐKHKTT: thôn N2, xã Đ, thành phố T, tỉnh T. Chỗ ở hiện nay: thôn Đ1, xã Đ2, thành phố T, tỉnh T. (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Bá N trình bày và yêu cầu cụ thể như sau:*

Anh và chị Phạm Trần Trang N1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 22/11/2020 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V1, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với gia đình anh tại thôn L, xã V, huyện V1, tỉnh T. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hoà thuận đến tháng 8/2023 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự sẻ chia dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đến ngày 20/10/2024 chị N1 đã bế con về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ1, xã Đ2, thành phố T, tỉnh T, kể từ đó cho đến nay anh chị sống ly thân. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án cho anh được ly hôn với chị N1.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Hà P, sinh ngày 20/5/2021 và Nguyễn Bá L1, sinh ngày 10/8/2023 (hiện cháu L1 đã chết). Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hà P và không yêu cầu chị N1 cấp dưỡng cho con. Anh đang làm công an ở Công an xã X, huyện V1, tỉnh T, thu nhập trung bình 21.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 20/01/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn chị Phạm Trần Trang N1 trình bày:*

Về thời gian, thủ tục và địa điểm đăng ký kết hôn như anh N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N rất nhiều lần ngoại tình, còn có hành vi đánh chị, bất đồng quan điểm sống khiến cuộc sống hôn nhân rơi vào tình trạng bế tắc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hoà giải nên kể từ ngày 20/10/2024 chị đã dẫn con về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn Đ1, xã Đ2, thành phố T, tỉnh T từ đó đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Kể từ khi chị về nhà ngoại ở anh N không gọi điện hay hỏi thăm con chung, không chu cấp gì cho con. Nay anh N có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đồng ý ly hôn với anh N và đề nghị Toà án cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như anh N trình bày ở trên. Hiện con Nguyễn Hà P đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hiện chị đang làm giảng viên trường Cao đẳng nghề T, thu nhập trung bình 9.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Tại biên bản xác minh, ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1959 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1957, trú tại thôn L, xã V, huyện V1, tỉnh T (là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Bá N) trình bày:*

Anh N và chị N1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V1, tỉnh T vào ngày 22/11/2020. Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng với gia đình ông bà tại thôn L, xã V, huyện V1, tỉnh T. Quá trình chung sống anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính chất công việc nên anh N bận rộn hay đi sớm về khuya

nên chị N1 không hài lòng. Nay anh N có đơn xin ly hôn chị N1, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Anh chị có hai con chung như anh chị trình bày. Sau khi cháu L1 chết được 49 ngày, khoảng tháng 10/2024 chị N1 bế cháu P về bên ngoại mà không thông báo gì với gia đình ông bà. Từ đó đến nay chị N1 không cho con về, ông bà cũng không liên lạc gì với chị N1. Nếu anh chị ly hôn, gia đình có nguyện vọng để anh N trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị N1 cấp dưỡng cho con. Do anh N có công việc bận rộn nên ông bà sẵn sàng hỗ trợ anh N chăm sóc con. Nhà cửa rộng rãi, đủ điều kiện thoải mái sinh hoạt. Về tài sản: Anh chị không đóng góp gì vào khối tài sản chung của ông bà, anh chị có nợ chung gì hay không thì ông bà không rõ.

** Biên bản xác minh ngày 20/02/2025, ông Nguyễn Công T1 là trưởng thôn L, xã V, huyện V1, tỉnh T cung cấp:*

Anh N và chị N1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V1, tỉnh T. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh N tại thôn L, xã V, huyện V1, tỉnh T. Quá trình chung sống, địa phương được biết hai vợ chồng có mâu thuẫn, cụ thể mâu thuẫn ra sao địa phương không nắm được, chỉ nghe nói giữa chị N1 và gia đình chồng có mâu thuẫn, còn mâu thuẫn cụ thể giữa hai anh chị như thế nào thì địa phương không biết. Nay anh N có đơn xin ly hôn, đề nghị Toà án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung: Anh chị có hai con chung như anh chị trình bày. Sau khi cháu L1 mất thì chị N1 đã dẫn cháu P về nhà mẹ đẻ, từ đó đến nay không thấy chị N1 về địa phương. Về tài sản: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết, địa phương không có ý kiến gì.

** Biên bản xác minh ngày 20/02/2025, ông Trần Xuân C là Phó trưởng Công an huyện V1, tỉnh T cung cấp:*

Anh Nguyễn Bá N, sinh năm 1983 đang công tác tại Công an xã X, huyện V1, tỉnh T, giữ chức vụ Trưởng Công an xã. Về thời gian làm việc phải trực ngoài giờ hành chính với tỷ lệ 50%.

** Biên bản xác minh ngày 03/3/2025, bà Nguyễn Thị H là trưởng thôn Đ1, xã Đ2, tỉnh T cung cấp:*

Chị N1 và anh N có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống chung tại gia đình nhà chồng. Quá trình chung sống giữa chị N1 và anh N có xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Đến khoảng tháng 10/2024 địa phương có nghe mẹ của chị N1 nói là vợ chồng chị N1, anh N do tính cách không hợp nên xảy ra mâu thuẫn và chị N1 cũng bế con về ở với mẹ đẻ tại thôn Đ1, xã Đ2, thành phố T, tỉnh T. Từ khi chị N1 về chung sống với mẹ đẻ địa phương không thấy anh N qua lại thăm nom con cái. Quan điểm của địa phương đối với việc anh N ly hôn chị N1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hà P, sinh ngày 20/5/2021 và Nguyễn Bá L1, sinh ngày 10/8/2023, cháu L1 đã mất năm 2024. Hiện cháu P đang ở cùng với chị N1 và bà ngoại, học tại trường mầm non

xã Đ2. Cháu P được chị N1 và bà ngoại chăm sóc rất chu đáo, tận tình. Bà H1 (mẹ chị N1) hiện vẫn đang lao động tự do và có thu nhập ổn định. Nhà cửa rộng rãi, hiện nay chỉ có bà H1 và hai mẹ con chị N1 sinh sống, ngoài ra không còn ai. Vì cháu P là con gái và từ bé cũng được chị N1 chăm sóc nên nếu ly hôn đề nghị Tòa án xem xét để chị N1 được trực tiếp nuôi con. Về tài sản: Chị N1 và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên địa phương không có ý kiến gì.

** Biên bản xác minh ngày 03/3/2025, bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967, Trú tại: thôn Đ1, xã Đ2, thành phố T, tỉnh T (là mẹ đẻ của chị Phạm Trần Trang N1) trình bày:*

Anh N và chị N1 có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh N sống cùng gia đình anh N tại thôn L, xã V, huyện V1, tỉnh T. Quá trình chung sống, bà được biết sau khi cháu Nhung sinh con thứ nhất được khoảng 13 ngày thì phát hiện anh N có quan hệ nam nữ bên ngoài. Khi đó cháu Nhung đang ở cữ tại gia đình bà. Sau khi sự việc xảy ra, vài ngày sau anh N cùng gia đình anh N đã sang nhà bà để xin lỗi và hứa sẽ chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ đó. Vì con còn nhỏ nên gia đình bà chấp nhận lời xin lỗi. Tuy nhiên, anh N trong cuộc sống hàng ngày không quan tâm đến vợ con. Bà có nghe chị N1 tâm sự, anh N vẫn có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Đến ngày 21/10/2024 do mâu thuẫn căng thẳng nên chị N1 đã dẫn theo con về gia đình bà sinh sống từ đó đến nay bà không thấy anh N qua tìm chị N1 hay thăm con, cũng không liên lạc với chị N1. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Hà P, sinh ngày 20/5/2021 và Nguyễn Bá L1, sinh ngày 10/8/2023 (đã mất năm 2024). Hiện nay cháu P đang sống cùng mẹ và học tại trường mầm non xã Đ2. Cháu P được bà và chị N1 chăm sóc tận tình, chu đáo. Hiện nay bà đang làm việc tại công ty bánh kẹo Hà Tùng. Bình quân thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Nhà cửa của bà rộng rãi, chỉ có bà và mẹ con chị N1 sinh sống, ngoài ra không còn ai khác. Hằng ngày chị N1 vẫn đưa đón con đi học. Nếu ly hôn, bà đề nghị Tòa án xem xét cho chị N1 được trực tiếp nuôi con. Hiện nay, sức khỏe của bà tốt, có thu nhập nên có thể hỗ trợ mẹ con chị N1. Về tài sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bà không có ý kiến gì.

** Biên bản xác minh ngày 07/3/2025, bà Trần Thị Mai P1 là Phó trưởng khoa phụ trách khoa Văn hoá Trung học phổ thông, trường Cao đẳng nghề T cung cấp:*

Chị N1 hiện đang là giảng viên Khoa văn hóa trung học phổ thông, trường cao đẳng nghề T. Nhà trường áp dụng Quyết định số 364/QĐ-CĐN ngày 12/8/2022 của UBND tỉnh T, hiện tại chị N1 đi dạy một tuần 17 tiết học trong giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6, một tiết 45 phút. Trong trường hợp chị N1 được nuôi con thì chị N1 đảm bảo giờ giấc dành cho con, chăm sóc con, đưa đón con đi học.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Bá N và chị Phạm Trần Trang N1. Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị xử giao con chung là Nguyễn Hà P, sinh ngày 20/5/2021 cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung từ 2.400.000 đồng – 2.500.000 đồng/tháng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản: Anh N, chị N1 không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Bá N và chị Phạm Trần Trang N1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, tại thời điểm kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, con cái đau ốm không có sự sẻ chia, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Chị N1 trình bày là do anh N nhiều lần ngoại tình, còn có hành vi đánh chị, vợ chồng bất đồng quan điểm sống khiến cho cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Chị N1 đã bế con về nhà mẹ đẻ sinh sống từ ngày 20/10/2024, anh chị sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh N, chị N1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N và chị N1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh N và chị N1 có hai con chung là Nguyễn Hà P, sinh ngày 20/5/2021 và Nguyễn Bá L1 (cháu L1 đã mất ngày 26/8/2024). Hiện con Nguyễn Hà P đang ở với chị N1 và bà ngoại. Quá trình giải quyết các bên không thỏa thuận được với nhau về nuôi con khi ly hôn. Cụ thể: anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị N1 cấp dưỡng cho con;

chị N1 cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật. Xét thấy, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con là nguyện vọng chính đáng của bố mẹ đối với con chung. Căn cứ lời khai cùng tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình và Toà án thu thập thể hiện các bên đều có điều kiện thuận lợi nhất định để nuôi con. Tuy nhiên cháu P là con gái, hiện còn nhỏ, chị N1 làm giáo viên dạy trong giờ hành chính, anh N công việc bận mải thường xuyên phải trực đêm nên sẽ hạn chế về thời gian chăm sóc con chung hơn so với chị N1. Hiện nay, cháu P đang ở cùng với chị N1, được chị N1 và bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chu đáo, cẩn thận. Hội đồng xét xử nhận thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên khi bố mẹ ly hôn, tránh xáo trộn không cần thiết về môi trường sống, ảnh hưởng không tốt đến tâm lý, tình cảm và tinh thần của trẻ nên giao con Nguyễn Hà P cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Đối với yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị N1, xét thấy anh N có mức thu nhập ổn định, trung bình hàng tháng khoảng 21.500.000 đồng, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị N1 đối với cháu P.

[3] Về tài sản: Anh N và chị N1 không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh N và chị N1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật. Anh N phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Bá N và chị Phạm Trần Trang N1.

2. Về con chung:

2.1. Xử giao cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hà P, sinh ngày 20/5/2021.

2.2. Về cấp dưỡng cho con: Buộc anh N cấp dưỡng cho con Nguyễn Hà P là 2.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 4/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

- Anh Nguyễn Bá N phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tổng cộng là 375.000 đồng. *(Chuyển số tiền 300.000 đồng anh N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000896 ngày 06/01/2025 thành án phí).*

- Chị Phạm Trần Trang N1 phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Bá N và bị đơn chị Phạm Trần Trang N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/4/2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V, huyện V1, tỉnh Thái Bình; ĐKKH số 66 ngày 22/11/2020).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Khánh Linh